

Số: /TB-SKHCN

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng thực hiện năm 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng thực hiện năm 2026;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh thông báo đến các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh đặt hàng thực hiện năm 2026 (có danh mục các nhiệm vụ kèm theo).

**1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn:** Theo mẫu quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ gồm:

1.1. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì theo quy định của pháp luật.

1.2. Đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

1.3. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN;

1.4. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

1.5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ KH&CN có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự;

1.6. Lý lịch khoa học chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (trong trường hợp có chuyên gia tham gia thực hiện);

1.7. Văn bản xác nhận phối hợp thực hiện của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

1.8. Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu về vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước phải có văn bản chứng minh khả năng bố trí, huy động vốn ngoài ngân sách như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và báo cáo tài chính theo quy định pháp luật trong 02 năm gần nhất của tổ chức tham gia góp vốn;

c) Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng và tổ chức chủ trì có giá trị bảo đảm được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

1.9. Tài liệu liên quan khác trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn (nếu có).

- Các tài liệu quy định là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y theo quy định;

## **2. Hình thức nộp hồ sơ:**

\* **Hồ sơ tham gia tuyển chọn:** gồm 09 bộ (trong đó có 01 bộ gốc và 08 bộ sao) được niêm phong và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Ninh (*Trụ sở Liên cơ quan, Quảng trường 3/2, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh*).

\* **Ngoài bì hồ sơ ghi rõ:** Hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2026; Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm nhiệm vụ, thông tin liên hệ; Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

\* **Thời gian nhận và kết thúc nhận hồ sơ:** Trong giờ hành chính, kể từ ngày ra thông báo đến **17 giờ 00 phút ngày 29/11/2025**. Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc bổ sung, thay thế hồ sơ mới phải hoàn thành trước thời hạn kết thúc việc nộp hồ sơ theo quy định.

Thông tin chi tiết xin liên hệ ông Doãn Hải Đông - Cán bộ bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh, điện thoại: 0903.211.211 để được hướng dẫn cụ thể./.

### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Bắc Ninh;
- Trung tâm Ứng dụng KH&CN Bắc Ninh số 2 (đăng thông báo trên website của Sở KH&CN);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

### **GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Dũng**

**Phụ lục**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SKHCN ngày tháng 10 năm 2025 của Sở Khoa học và công nghệ)

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến kinh phí <i>Triệu đồng</i>	Loại hình nhiệm vụ	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sinh học nhằm quản lý tổng hợp sâu bệnh hại chính trên cây vải tại tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được sâu bệnh hại chính và các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát sinh, phát triển đối với cây vải.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả một số biện pháp sinh học trong quản lý sâu bệnh hại chính trên cây vải.</li> <li>- Xây dựng được quy trình sử dụng các giải pháp sinh học để quản lý tổng hợp sâu bệnh hại chính trên cây vải.</li> <li>- Xây dựng được 03 mô hình áp dụng quy trình đã đề xuất, quy mô 01 ha/mô hình, giảm&gt;80% sâu bệnh hại, hiệu quả kinh tế tăng &gt;10%, giảm sử dụng thuốc BVTV&gt;30%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả điều tra khảo sát hiện trạng sâu bệnh hại đối với cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo xác định nguyên nhân phát sinh phát triển sâu bệnh hại và các yếu tố liên quan.</li> <li>- Báo cáo kết quả thử nghiệm hiệu quả các biện pháp sinh học để phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại chính trên cây vải.</li> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu về sâu bệnh hại chính trên cây vải.</li> <li>- Bộ tài liệu hướng dẫn nhận diện và phòng trừ sâu bệnh hại chính bằng biện pháp sinh học;</li> <li>- Quy trình sử dụng các giải pháp sinh học để quản lý tổng hợp sâu bệnh hại chính trên cây vải. Quy trình được công nhận cấp cơ sở.</li> <li>- 03 mô hình áp dụng quy trình đã đề xuất. Quy mô: 01 ha/mô hình, giảm &gt; 80% sâu bệnh hại, hiệu quả kinh tế tăng &gt;10%, giảm sử dụng thuốc BVTV &gt; 30%</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- 02 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Bộ phiếu điều tra khảo sát, Bộ kết quả phân tích mẫu.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	2.500	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng
	Nghiên cứu quy trình công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được hiện trạng vùng nguyên liệu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dữ liệu chất lượng của nguyên liệu nông sản (khoai tây, cà rốt, bí ngô, súp lơ, cần tây, đu đủ) của tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	3.500	Đề tài khoa học	24 tháng

2	<p>chế biến sâu một số sản phẩm từ nông sản, kết hợp chuyển đổi số trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc tại tỉnh Bắc Ninh</p>	<p>tại địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được quy trình công nghệ, gồm: sản phẩm dinh dưỡng dạng lỏng ăn liền bảo quản dài hạn; sản xuất bột rau củ dinh dưỡng giàu hoạt tính sinh học; chế biến sản phẩm sấy dẻo có chất lượng cao.</li> <li>- Xây dựng được nền tảng Webapp quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho phép quản lý dữ liệu nguyên liệu đầu vào, mã lô sản xuất, quy trình chế biến, thông tin kiểm nghiệm chất lượng và truy xuất sản phẩm đầu ra theo mã QR hoặc các định danh điện tử khác, phục vụ cho kiểm tra, giám sát và thương mại điện tử.</li> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm từ rau củ quả:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 mô hình sản xuất sản phẩm dinh dưỡng ăn liền bảo quản dài hạn từ rau củ.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình công nghệ chế biến sản phẩm dinh dưỡng ăn liền dạng sệt (paste) bảo quản dài hạn từ rau củ (bí ngô, khoai tây, súp lơ) quy mô 50 kg nguyên liệu/mẻ.</li> <li>- 01 quy trình công nghệ chế biến bột rau củ (cà rốt, cà tím) dinh dưỡng giàu hoạt tính sinh học 50kg nguyên liệu/mẻ.</li> <li>- 01 quy trình công nghệ chế biến sản phẩm sấy dẻo quy mô 50 kg nguyên liệu/mẻ.</li> <li>- 01 mô hình sản xuất các sản phẩm rau củ quả gồm: sản phẩm dinh dưỡng ăn liền bảo quản dài hạn từ rau củ, bột rau củ dinh dưỡng giàu hoạt tính sinh học, sản phẩm đu đủ sấy dẻo quy mô 150 kg nguyên liệu.</li> <li>- 01 hệ thống Webapp quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, có khả năng cấp mã QR cho từng lô sản phẩm, truy xuất từ vùng nguyên liệu - quy trình chế biến - thành phẩm.</li> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm chế biến.</li> <li>- 100 đơn vị sản phẩm dinh dưỡng ăn liền bảo quản dài hạn đáp ứng an toàn vệ sinh thực phẩm, thời gian bảo quản <math>\geq 6</math> tháng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- 100 kg bột rau củ dinh dưỡng giàu hoạt tính sinh học đáp ứng an toàn vệ sinh thực phẩm, thời gian bảo quản <math>\geq 6</math> tháng.</li> <li>- 100 kg đu đủ sấy dẻo đáp ứng an toàn vệ sinh thực phẩm, thời gian bảo quản <math>\geq 6</math> tháng.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Hồ sơ đào tạo 20 kỹ thuật viên</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>		và công nghệ	
---	--	--	---	--	--------------	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 mô hình sản xuất sản phẩm bột rau củ dinh dưỡng giàu hoạt tính sinh học.</li> <li>+ 01 mô hình sản xuất sản phẩm sấy dẻo.</li> <li>- Xây dựng và công bố Tiêu chuẩn cơ sở, bộ nhận diện sản phẩm cho các sản phẩm chế biến.</li> </ul>				
3	<p>Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chuối hoa (<i>Channa maculata</i> Lacépède, 1802) tại tỉnh Bắc Ninh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và ứng dụng thành công các quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chuối hoa phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Bắc Ninh:</li> <li>+ Quy trình công nghệ sản xuất giống cá chuối hoa.</li> <li>+ Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa bằng lồng trên sông</li> <li>+ Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa trong ao.</li> <li>- Xây dựng 03 mô hình:</li> <li>+ Mô hình sản xuất giống nhân tạo cá chuối hoa.</li> <li>+ Mô hình nuôi thương phẩm cá chuối hoa bằng lồng trên sông.</li> <li>+ Mô hình nuôi thương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và làm chủ được 03 Quy trình: Quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo cá chuối hoa; Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa bằng lồng trên sông; Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa trong ao phù hợp với tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>+ Quy trình công nghệ sản xuất giống cá chuối hoa: tỷ lệ thành thực đạt <math>\geq 70\%</math>; tỷ lệ đẻ của cá cái so với tỉ lệ thành thực đạt <math>\geq 80\%</math>; tỷ lệ nở <math>&gt; 50\%</math>; tỷ lệ sống ương cá bột thành cá hương <math>\geq 52\%</math>; tỷ lệ sống ương cá hương thành cá giống <math>\geq 60\%</math>.</li> <li>+ Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa bằng lồng trên sông: mật độ thả 30 con/m; tỷ lệ sống <math>\geq 80\%</math>; cỡ cá thương phẩm từ 0,8-1,0 kg/con; năng suất đạt 20,5 kg/m<sup>3</sup>;</li> <li>+ Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá chuối hoa trong ao: Tỷ lệ sống <math>\geq 70\%</math>; cỡ cá thương phẩm: từ 0,8-1,5 kg/ con; năng suất đạt từ 50-60 tấn/ha.</li> <li>- Xây dựng được 03 mô hình:</li> <li>+ Mô hình sản xuất giống nhân tạo cá chuối hoa quy mô 600 con cá bố mẹ, khối lượng <math>\geq 1,0</math> kg/con; tỷ lệ cá đực: cái là 1:1; tỷ lệ thành thực đạt <math>\geq 70\%</math>; tỷ lệ đẻ của cá cái so với tỉ lệ thành thực đạt <math>\geq 80\%</math>; tỷ lệ nở <math>&gt; 50\%</math>; tỷ lệ sống ương cá bột thành cá hương <math>\geq 52\%</math>; tỷ lệ sống ương cá hương thành cá giống <math>\geq 60\%</math>. Tạo ra 300.000 con cá</li> </ul>	3.500	Dự án khoa học và công nghệ	24 tháng

		phẩm cá chuối hoa trong ao.	<p>giống cỡ 4-6 cm. Cá giống khỏe mạnh, không có dấu hiệu bệnh lý.</p> <p>+ Mô hình nuôi thương phẩm cá chuối hoa trong lồng quy mô 500m<sup>3</sup>; mật độ thả 30 con/m<sup>3</sup>; tỷ lệ sống <math>\geq</math> 80%; cỡ cá thương phẩm: 0,8-1,0 kg/con; năng suất 20,5 kg/m<sup>3</sup>.</p> <p>+ Mô hình nuôi thương phẩm cá chuối hoa trong ao quy mô 1,0 ha; tỷ lệ sống <math>\geq</math> 70 %; cỡ cá thương phẩm: 0,8-1,5 kg/con; năng suất 50-60 tấn/ha.</p> <p>- Hồ sơ đào tạo 5 kỹ thuật viên.</p> <p>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</p> <p>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</p>			
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình cộng sinh công nghiệp tại khu, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh	<p>- Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng tiêu thụ tài nguyên và phát sinh chất thải tại khu, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- Xây dựng 01 mô hình cộng sinh công nghiệp theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.</p> <p>- Đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý - công nghệ để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp.</p>	<p>- Bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng tiêu thụ tài nguyên và phát sinh chất thải tại khu, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- 01 mô hình cộng sinh công nghiệp, đảm bảo tiết kiệm ít nhất 10% tài nguyên, giảm trên 15% khối lượng chất thải.</p> <p>- Báo cáo khuyến nghị cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý - công nghệ để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp.</p> <p>- Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội, môi trường của mô hình thí điểm.</p> <p>- Báo cáo đề xuất các mô hình cộng sinh công nghiệp hướng tới chuyển đổi KCN thông thường thành KCN sinh thái toàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>- Tài liệu đề xuất lộ trình nhân rộng cộng sinh công nghiệp đến 2030; tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>- Nền tảng số kết nối trao đổi thông tin về cộng sinh công nghiệp, trao đổi chất thải giữa các doanh nghiệp trong khu hoặc cụm công nghiệp.</p> <p>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</p>	3.000	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tác động kinh tế - xã hội, môi trường của mô hình thí điểm.</li> <li>- Đề xuất các mô hình cộng sinh công nghiệp hướng tới chuyển đổi KCN thông thường thành KCN sinh thái toàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu điều tra, báo cáo điều tra khảo sát.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
5	<p>Ứng dụng công nghệ để quản lý và nhận biết nhanh các loại gỗ lưu hành trên thị trường tỉnh Bắc Ninh, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được bộ dữ liệu để nhận biết tối thiểu 50 loại gỗ.</li> <li>- Giám định được tối thiểu 50 loại gỗ để kiểm chứng phần mềm.</li> <li>- Xây dựng bộ dữ liệu số hoá tối thiểu 50 loại gỗ đã thu thập được (bao phủ <math>\geq 90\%</math> khối lượng lưu thông tại tỉnh).</li> <li>- Xây dựng 01 phần mềm hỗ trợ quản lý và nhận biết nhanh các loại gỗ lưu hành trên thị trường tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 50 loại gỗ thu thập được trên thị trường (10 mẫu/ 01 loại gỗ).</li> <li>- 01 Bộ dữ liệu số hóa về gỗ có tối thiểu 800 ảnh/loại gỗ (chụp trên nhiều mẫu gỗ của 1 loại); tên khoa học, nhóm gỗ, mô tả cấu tạo và đặc điểm ngoại quan, chất lượng gỗ, vùng phân bố, công dụng và tình trạng bảo tồn.</li> <li>- 01 phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tính năng ứng dụng nhanh trên di động: Nhận diện gỗ từ ảnh chụp từ máy ảnh của điện thoại ống kính macro 200x. Độ chính xác nhận diện (accuracy) <math>\geq 85\%</math>, thời gian nhận diện <math>\leq 5</math> giây trên máy điện thoại tầm trung. Hiển thị thông tin nhận dạng: tên gỗ tiếng Việt, tên khoa học, phân loại nhóm gỗ, chất lượng gỗ, vùng phân bố, công dụng và tình trạng bảo tồn. Liên kết tới bản ghi chi tiết trong hệ thống CSDL gỗ để tra cứu thêm. Có thể tra cứu kho thông tin gỗ trong cơ sở dữ liệu trên ứng dụng di động. Đồng bộ hóa dữ liệu giữa phiên bản offline trên thiết bị và CSDL trung tâm khi có kết nối mạng.</li> <li>+ Tính năng ứng dụng cơ sở dữ liệu (Web application): Quản lý bộ dữ liệu nhằm lưu trữ và quản lý đầy đủ thông tin về các loài gỗ. Tra cứu nhanh và trình bày dữ liệu theo nhiều tiêu chí, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, quản lý tài nguyên rừng và tham vấn chuyên môn. Nhóm các chức</li> </ul> </li> </ul>	3.000	Dự án khoa học và công nghệ	24 tháng

			<p>năng quản trị khác: quản lý người dùng; quản lý nhóm quyền; quản lý danh mục dữ liệu; quản trị hệ thống theo dõi Dashboard cho nhà quản trị; quản lý cơ sở dữ liệu gỗ; tra cứu báo cáo: xuất báo cáo theo mẫu, lọc theo tiêu chí và xuất file (PDF/Excel)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng trên điện thoại thông minh với hệ điều hành IOS và Android.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Báo cáo khảo sát thị trường nguyên liệu gỗ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
6	Thiết kế, chế tạo mô hình thiết bị thực hành kỹ năng đóng gói, kiểm thử vi mạch bán dẫn phục vụ đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế và chế tạo được mô hình bộ thiết bị thực hành kỹ năng đóng gói, kiểm thử vi mạch bán dẫn, phù hợp với yêu cầu đào tạo nghề và an toàn vận hành.</li> <li>- Xây dựng được bộ tài liệu kỹ thuật và đào tạo bao gồm hướng dẫn thao tác, quy trình sử dụng và các tài liệu tham khảo cơ bản.</li> <li>- Xây dựng nội dung đào tạo và các bài thực hành nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và ý thức an toàn trong công đoạn đóng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bộ thiết bị - mô hình thực hành công đoạn Back-end vi mạch bán dẫn, kích thước tối đa: 6mx2mx2m, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gồm 05 Modul chức năng: cắt phiến silicon thành chip, gắn chip lên đế PCB/leadframe, hàn chip (flip-chip và hàn dây), làm sạch - đóng gói, đo tín hiệu và kiểm tra thành phẩm.</li> <li>+ Khung, bệ, jig, fixture đầy đủ; trang bị ESD, hút khói hàn, nguồn cấp điện, thiết bị đo kiểm cơ bản.</li> </ul> </li> <li>- Bộ tài liệu kỹ thuật gồm <math>\geq 5</math> SOP, bản vẽ kỹ thuật, BOM, checklist an toàn, tài liệu bảo trì.</li> <li>- Nội dung đào tạo liên quan, tối thiểu 30 tiết thực hành.</li> <li>- Tối thiểu 05 bài thực hành giảng dạy kèm bộ đánh giá kỹ năng đóng gói, kiểm thử.</li> <li>- 02 giảng viên được đào tạo vận hành và giảng dạy.</li> <li>- 01 lớp thí điểm tối thiểu 15 sinh viên, tối thiểu 80% đạt chuẩn đầu ra.</li> <li>- Báo cáo nghiệm thu, biên bản xác nhận sử dụng, giải pháp khai thác và nhân rộng mô hình.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> </ul>	2.000	Đề tài khoa học và công nghệ	20 tháng



		<p>gói, kiểm thử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức đào tạo và chuyển giao để nâng cao năng lực giảng viên. Tổ chức đào tạo cho sinh viên, học viên được thực hành và rèn luyện kỹ năng.</li> <li>- Xây dựng giải pháp ứng dụng và nhân rộng kết quả thông qua việc khai thác thiết bị trong giảng dạy và mở rộng khả năng áp dụng cho các cơ sở đào tạo nghề.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>			
7	<p>Nghiên cứu phát triển rừng trồng Téch (<i>Tectona grandis</i> Linn.f) cung cấp gỗ lớn tại tỉnh Bắc Ninh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn lọc được 50 cây trội Téch ở một số tỉnh và xây dựng được 01 ha vườn sưu tập giống tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được mô hình rừng trồng thâm canh Téch cung cấp gỗ lớn với quy mô 7,0 ha, tỷ lệ sống đạt &gt;85%.</li> <li>- Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng rừng thâm canh Téch cung cấp gỗ lớn tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Chuyển giao được các kết quả nghiên cứu về nhân giống; trồng rừng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo điều tra tuyển chọn nguồn giống Téch (50 cây trội) đưa về phát triển tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 1,0 ha vườn sưu tập giống Téch tại tỉnh Bắc Ninh từ nguồn giống đã được tuyển chọn.</li> <li>- Quy trình nhân giống Téch từ hạt.</li> <li>- Quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh Téch cung cấp gỗ lớn.</li> <li>- 1,5 ha thí nghiệm và 5,5 ha trình diễn trồng rừng thâm canh Téch cung cấp gỗ lớn chất lượng cao. Cây trồng trong mô hình đạt tỷ lệ sống &gt;85%.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	3.500	Đề tài khoa học và công nghệ	36 tháng

		thâm canh Téch cho người dân và cán bộ địa phương.				
8	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, chế biến cây nghệ vàng, chiết xuất curcuminoid quy mô công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình trồng cây nghệ vàng (<i>Curcuma longa</i> L.) theo hướng GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết xuất Curcuminoid quy mô công nghiệp và xây dựng mô hình chiết xuất quy mô 50 tấn nguyên liệu/mẻ.</li> <li>- Đánh giá tính an toàn, tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh lý dạ dày của sản phẩm chứa Curcuminoid.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình trồng nghệ vàng theo hướng GACP-WHO tại tỉnh Bắc Ninh, diện tích tối thiểu 10 ha.</li> <li>- Quy trình trồng nghệ vàng theo hướng GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Quy trình công nghệ chiết xuất Curcuminoid quy mô công nghiệp.</li> <li>- Mô hình chiết xuất curcuminoids ở quy mô sản xuất công nghiệp (50 tấn nguyên liệu/mẻ).</li> <li>- Bộ tiêu chuẩn các sản phẩm (curcuminoids và các sản phẩm chế biến).</li> <li>- Báo cáo đánh giá tính an toàn, tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh lý dạ dày của sản phẩm chứa Curcuminoid trên tối thiểu 60 bệnh nhân.</li> <li>- Khối lượng curcuminoids sản xuất trong thời gian thực hiện nhiệm vụ: 1,5 tấn, hàm lượng Curcuminoid <math>\geq 90\%</math>, hiệu suất chiết xuất <math>\geq 2,5\%</math>.</li> <li>- Số lượng, khối lượng các sản phẩm chế biến từ curcuminoids: trên 10.000 chai 100ml chứa hàm lượng Curcuminoid tối thiểu 100mg/100ml.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	3.500	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng
9	Nghiên cứu phát triển Sâm nam núi Dành ( <i>Callerya speciosa</i> Champ. ex Benth.) hữu cơ ứng dụng công nghệ số tại tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy trình sản xuất Sâm nam núi Dành theo tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041-2:2017 trồng trọt hữu cơ.</li> <li>- Xây dựng hệ thống hỗ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bộ quy trình sản xuất Sâm nam núi Dành theo tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041-2:2017 trồng trọt hữu cơ.</li> <li>- 01 hệ thống hỗ trợ quản lý sản xuất - truy xuất nguồn gốc, có tích hợp cảm biến IoT, sử dụng tại mô hình.</li> <li>- 01 mô hình liên kết chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ Sâm nam núi Dành theo tiêu chuẩn hữu cơ có ứng dụng công nghệ số (quy mô 02 ha); đạt chứng nhận chuyển đổi</li> </ul>	3.000	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

	Bắc Ninh.	<p>trợ quản lý sản xuất - truy xuất nguồn gốc, có tích hợp cảm biến IoT, sử dụng tại mô hình.</p> <p>- Xây dựng mô hình sản xuất Sâm nam núi Dành theo tiêu chuẩn hữu cơ ứng dụng công nghệ số, quy mô tối thiểu 02 ha theo chuỗi liên kết từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.</p>	<p>hữu cơ.</p> <p>- 01 sản phẩm chế biến sâu từ Sâm nam núi Dành có hồ sơ kỹ thuật đầy đủ, mẫu mã thương mại, đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao.</p> <p>- 01 hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Sâm nam núi Dành theo tiêu chuẩn hữu cơ với doanh nghiệp/HTX.</p> <p>- 01 Sổ tay hướng dẫn thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ cho cây Sâm nam núi Dành, kết hợp công nghệ số trong quản lý, truy xuất.</p> <p>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</p> <p>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</p> <p>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</p>			
10	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất lúa, khoai tây, nấm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	<p>- Hoàn thiện được 02 quy trình kỹ thuật (<i>Quy trình kỹ thuật xử lý rom rạ làm chất hữu cơ; Quy trình kỹ thuật sản xuất nấm từ rom rạ và xử lý bã nấm làm chất hữu cơ</i>).</p> <p>- Xây dựng được 03 mô hình sản xuất: Lúa – nấm, lúa – nấm – khoai tây, lúa – khoai tây, quy mô 10ha/mô hình, hiệu quả kinh tế tăng 15% so với mô hình canh tác phổ biến tại địa phương, xử lý được trên 10 tấn chất hữu cơ/mô hình.</p>	<p>- 02 quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật xử lý rom rạ làm chất hữu cơ và Quy trình kỹ thuật sản xuất nấm rom từ rom rạ và dùng bã nấm rom làm chất hữu cơ.</p> <p>- 03 mô hình sản xuất: lúa – nấm, lúa – nấm – khoai tây, lúa – khoai tây, quy mô 10ha/mô hình, hiệu quả kinh tế tăng 15% so với mô hình canh tác phổ biến tại địa phương, xử lý được trên 10 tấn chất hữu cơ/mô hình.</p> <p>- 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</p> <p>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</p>	2.200	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

		- Xây dựng được 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.				
11	Nghiên cứu công nghệ sấy ứng dụng trong chế biến và đa dạng hóa sản phẩm từ quả vải thiều của tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá quả vải thiều thích hợp cho quá trình chế biến và xác định được thời điểm thu hoạch phù hợp.</li> <li>- Xây dựng được quy trình công nghệ sấy thăng hoa và sấy lạnh cho quả vải thiều nhằm giữ được các đặc tính đặc trưng của sản phẩm tại Bắc Ninh.</li> <li>- Sản xuất thành công 6 sản phẩm chế biến mới từ quả vải sấy thăng hoa (vải thăng hoa nguyên chất, vải thăng hoa socola, vải thăng hoa matcha, vải thăng hoa sữa chua, vải thăng hoa snack vải, vải thăng hoa pudding) và 1 sản phẩm vải sấy lạnh dẻo.</li> <li>- Đánh giá toàn diện chất lượng sản phẩm (hóa – lý – vi sinh – cảm quan-giá trị dinh dưỡng) và thời hạn bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình sấy thăng hoa và bảo quản sản phẩm (vải thăng hoa nguyên chất, vải thăng hoa socola, vải thăng hoa matcha, vải thăng hoa sữa chua, vải thăng hoa snack vải, vải thăng hoa pudding) quy mô 100 kg/mẻ.</li> <li>- Quy trình sấy lạnh (vải sấy dẻo) và bảo quản sản phẩm quy mô 500 kg/mẻ.</li> <li>- 02 mô hình sấy sản phẩm từ vải tươi quy mô 500 kg nguyên liệu tươi/mẻ (sấy lạnh 500 kg/mẻ, sấy thăng hoa 100 kg/mẻ).</li> <li>- 07 bộ Tiêu chuẩn cơ sở: vải thăng hoa nguyên chất, vải thăng hoa socola, vải thăng hoa matcha, vải thăng hoa sữa chua, vải thăng hoa snack vải, vải thăng hoa pudding và vải sấy dẻo được công bố.</li> <li>- 300 kg vải thăng hoa (vải thăng hoa nguyên chất, vải thăng hoa socola, vải thăng hoa matcha, vải thăng hoa sữa chua, vải thăng hoa snack vải, vải thăng hoa pudding) có độ ẩm &lt; 5%; hoạt độ nước &lt; 0,3; hàm lượng đường &gt;70%; thời gian bảo quản &gt;12 tháng, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.</li> <li>- 100 kg vải sấy lạnh có độ ẩm đạt 10~15%, hàm lượng đường &gt;70%, hoạt độ nước &lt;0,7 thời gian bảo quản &gt;12 tháng, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Bộ tài liệu tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Hồ sơ hội nghị tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	2.500	Đề tài khoa học và công nghệ	20 tháng

		<p>quản trong điều kiện thực tế, hướng tới kéo dài trên 12 tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được mô hình và chuyển giao công nghệ sấy lạnh quy mô 500 kg nguyên liệu/mẻ; sấy thăng hoa quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ.</li> </ul>				
12	<p>Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao, ứng dụng cho kết cấu đường giao thông tại tỉnh Bắc Ninh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao (hàm lượng tro bay &gt;30% khối lượng chất kết dính, cát nghiền &gt;50% khối lượng cốt liệu nhỏ).</li> <li>- Sản xuất và ứng dụng thử nghiệm cho 100 m mặt đường bằng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao tại tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ cấp phối bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao cho <math>\geq 2</math> cấp cường độ (trên B15), có dải thay thế tro bay &gt;30% chất kết dính, cát nghiền &gt;50% cốt liệu nhỏ.</li> <li>- 01 Hướng dẫn thiết kế thành phần cấp phối bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao áp dụng cho mặt đường.</li> <li>- 01 Hướng dẫn thiết kế thành phần cấp phối bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao áp dụng cho lớp móng.</li> <li>- 01 Quy trình công nghệ sản xuất bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp móng.</li> <li>- 01 Quy trình công nghệ sản xuất bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp mặt.</li> <li>- 01 Quy trình đánh giá chất lượng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp móng.</li> <li>- 01 Quy trình đánh giá chất lượng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp mặt.</li> <li>- 01 Hướng dẫn thi công lớp móng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao.</li> <li>- 01 Hướng dẫn thi công lớp mặt bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao.</li> <li>- 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp móng.</li> <li>- 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi</li> </ul>	3.500	<p>Đề tài khoa học và công nghệ</p>	24 tháng

			<p>trường bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao lớp mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất 275 m<sup>3</sup> bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao.</li> <li>- 01 hồ sơ thiết kế thi công 100m đường bằng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao.</li> <li>- 01 hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật 100 m đường bằng bê tông cát nghiền hàm lượng tro bay cao.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
13	<p>Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất táo theo tiêu chuẩn hữu cơ và xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho quả táo tươi của xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất táo theo tiêu chuẩn hữu cơ, quy mô 03 ha.</li> <li>- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</li> <li>- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho quả táo tươi của xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng, thực trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm táo tươi của xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất táo theo tiêu chuẩn hữu cơ, quy mô 03 ha.</li> <li>- Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho quả táo tươi của xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho quả táo tươi của xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Hệ thống nhận diện thương hiệu và video quảng bá sản phẩm.</li> <li>- Bộ tiêu chuẩn cơ sở và quy chế quản lý nhãn hiệu chứng nhận.</li> <li>- Mô hình quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.</li> <li>- Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.</li> <li>- Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm (02-03 hợp đồng tiêu thụ sản phẩm).</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	1.500	<p>Đề tài khoa học và công nghệ</p>	24 tháng

14	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương.</li> <li>- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.</li> <li>- Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo cơ sở lý luận về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương.</li> <li>- 01 báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.</li> <li>- Hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.</li> <li>- Văn bản chỉ đạo về việc tiếp tục thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính</li> <li>- Hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp đơn vị hành chính.</li> <li>- Các mẫu phiếu điều tra và các phiếu điều tra, phỏng vấn đầy đủ thông tin.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	800	Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	12 tháng
15	Nghiên cứu ứng dụng và đánh giá hiệu quả kỹ thuật PCR đa mồi phát hiện gen kháng kháng sinh trong điều trị viêm phổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định căn nguyên và đặc tính kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn gây viêm phổi liên quan đến thở máy tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dữ liệu nghiên cứu: danh mục các chủng vi khuẩn gây viêm phổi liên quan đến thở máy kèm đặc tính kháng kháng sinh và bộ gen, phục vụ tra cứu và tham khảo cho bệnh viện.</li> <li>- Báo cáo phân tích mối tương quan giữa kiểu hình và kiểu gen kháng kháng sinh của một số vi khuẩn gram âm.</li> <li>- Báo cáo hiệu quả giữa PCR đa mồi và phương pháp cấy</li> </ul>	2.500	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: khoa học y	24 tháng

	liên quan đến thở máy do một số vi khuẩn Gram âm tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các gen kháng kháng sinh bằng kỹ thuật PCR đa môi và giải trình tự gen.</li> <li>- Đánh giá hiệu quả ứng dụng PCR đa môi phát hiện gen kháng kháng sinh trong điều trị người bệnh viêm phổi liên quan đến thở máy do một số vi khuẩn gram âm.</li> </ul>	<p>truyền thống trong điều trị viêm phổi liên quan đến thở máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến nghị sử dụng kháng sinh dựa trên kết quả PCR đa môi, phục vụ lâm sàng (antibiotic stewardship).</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- 02 Quy trình kỹ thuật được phê duyệt ban hành:</li> <li>+ Quy trình giải trình tự gen xác định gen kháng kháng sinh của vi khuẩn gram âm.</li> <li>+ Quy trình PCR đa môi xác định gen kháng kháng sinh của vi khuẩn gram âm.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật PCR đa môi cho cán bộ xét nghiệm và bác sĩ lâm sàng.</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phổi liên quan thở máy.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- 01 mô hình can thiệp.</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm phổi liên quan đến thở máy tại bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1.</li> <li>- Các sản phẩm khác: mẫu phiếu; phiếu điều tra đầy đủ thông tin; báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>		được	
16	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan tình hình nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.</li> <li>- Đánh giá thực trạng công tác bảo tồn và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn.</li> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kiến nghị hệ thống giải pháp nhằm phát huy</li> </ul>	800	Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn	12 tháng



		phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại tỉnh Bắc Ninh. - Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới.	hiệu quả giá trị di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới. - Tập tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bắc Ninh. - Các sản phẩm khác: phiếu điều tra, báo cáo xử lý thông tin số liệu điều tra. - Báo cáo kết quả thực hiện đề tài ( <i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i> )			
17	Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với di sản văn hóa Kinh Bắc trong bối cảnh chuyển đổi số.	- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số. - Đánh giá thực trạng các ngành công nghiệp văn hóa tại tỉnh Bắc Ninh, tập trung vào một số lĩnh vực thuộc thế mạnh của tỉnh (du lịch văn hóa; thủ công mỹ nghệ,...). - Đề xuất hệ thống giải pháp phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh chuyển đổi số. - Đề xuất Đề cương Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tại tỉnh Bắc Ninh.	- Báo cáo tổng quan cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số. - Báo cáo đánh giá thực trạng các ngành công nghiệp văn hóa tại tỉnh Bắc Ninh, tập trung vào một số lĩnh vực thuộc thế mạnh của tỉnh (du lịch văn hóa; thủ công mỹ nghệ,...). - Báo cáo đề xuất hệ thống giải pháp phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh chuyển đổi số. - Dự thảo Đề cương Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tại tỉnh Bắc Ninh. - Các chuyên đề nghiên cứu khoa học. - Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành có phản biện (tổng điểm công bố tối thiểu đạt 2 điểm). - Hồ sơ hội thảo khoa học. - Các sản phẩm khác: mẫu phiếu; phiếu điều tra đầy đủ thông tin; báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra. - Báo cáo kết quả thực hiện đề tài ( <i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i> ).	1.500	Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn	24 tháng
18	Nghiên cứu dịch	- Xác định tỷ lệ hiện mắc,	- Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng tỷ lệ hiện mắc, tỷ lệ mới	3.000	Đề tài	36 tháng

	tế bốn bệnh không lây nhiễm và một số yếu tố nguy cơ, đề xuất biện pháp quản lý tại tỉnh Bắc Ninh	<p>tỷ lệ mắc mới bốn bệnh không lây nhiễm ở người trưởng thành tại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2028</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định và phân tích một số yếu tố nguy cơ bốn bệnh không lây nhiễm ở người trưởng thành tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đánh giá mức độ kiến thức, thực hành phòng, chống bốn bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý bệnh không lây nhiễm tại tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	<p>mắc bốn bệnh không lây nhiễm tại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2028</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thực trạng phơi nhiễm với một số yếu tố nguy cơ bốn bệnh không lây nhiễm tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo phân tích mối liên quan giữa một số yếu tố nguy cơ với bốn bệnh không lây nhiễm tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo thực trạng kiến thức, thực hành phòng, chống bốn bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý bệnh không lây nhiễm tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả can thiệp điểm tại tỉnh Bắc Ninh</li> <li>- Đề xuất khung đề án can thiệp giảm gánh nặng bốn bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- 01 học viên cao học bảo vệ thành công.</li> <li>- 01 nghiên cứu sinh được thông qua đề cương và có giấy triệu tập học.</li> <li>- Hồ sơ Hội thảo khoa học</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>		<p> nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: khoa học y được</p>	
19	<p>Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tích hợp hệ thống robot tự hành đa cảm biến (SLAM, IoT) phục vụ công tác đào tạo lĩnh vực tự động hoá trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế robot nền tảng di động (wheeled robot) có khả năng tự hành, thu thập dữ liệu từ nhiều loại cảm biến (khói, nhiệt, dòng điện, khí độc).</li> <li>- Phát hiện sớm hiện tượng chập điện (dựa trên sóng dòng/điện áp/nhiệt và hiện tượng phát khói), phát hiện rò</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 robot tự hành có khả năng thu thập dữ liệu từ nhiều loại cảm biến (khói, nhiệt, dòng điện, khí độc).</li> <li>- 01 hệ thống lập bản đồ và định vị thời thực trong nhà xưởng giả lập dùng thuật toán SLAM để lưu lại vị trí sự cố chính xác.</li> <li>- 01 hệ thống phần mềm ứng dụng công nghệ IoT để giám sát, ghi log, hiện thị bản đồ và gửi cảnh báo.</li> <li>- 01 tài liệu giảng dạy tích hợp module thực hành robot tự hành tối thiểu 03 tín chỉ.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> </ul>	800	<p>Đề tài khoa học và công nghệ</p>	15 tháng

	Bắc Ninh	<p>ri khí độc (CO, methane, LPG,...), phát cảnh báo tức thì qua giao thức IoT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống lập bản đồ và định vị thời thực trong nhà xưởng giả lập dùng thuật toán SLAM để lưu lại vị trí sự cố chính xác.</li> <li>- Kết nối hệ thống lên nền tảng IoT để giám sát, ghi log, hiện thị bản đồ và gửi cảnh báo.</li> <li>- Nâng cao kỹ năng lập trình điều khiển, tích hợp linh kiện điện tử, lập trình nhúng và an toàn công nghiệp cho sinh viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục của Hội đồng chức danh nhà nước.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>			
20	Xây dựng, triển khai nền tảng số đổi mới sáng tạo mở kết nối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa tại tỉnh Bắc Ninh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, phân tích thực trạng và nhu cầu kết nối giữa FDI và doanh nghiệp nội địa tại Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được mô hình kiến trúc hệ thống, tích hợp liên thông khai thác tối thiểu 4 lớp quản trị dữ liệu số.</li> <li>- Thiết kế và xây dựng được nền tảng nền tảng số đổi mới sáng tạo mở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 hệ thống nền tảng (có tối thiểu 4 Modul chính và các Modul đảm bảo các nội dung như quản trị, lịch làm việc, họp, truyền thông, lưu trữ và chia sẻ tài nguyên, diễn đàn, thông kê, báo cáo, hỗ trợ đa thiết bị, mail và thông báo).</li> <li>- 01 apps (ứng dụng) chạy trên các hệ điều hành iOS và Android có tính năng như nền tảng số BOI.</li> <li>- 01 bộ tài liệu (video + file cứng, mềm) hướng dẫn sử dụng và khai thác nền tảng số BOI.</li> <li>- 01 Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác nền tảng BOI.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Kết nối dữ liệu và chia sẻ hoạt động tối thiểu tối thiểu 10 doanh nghiệp FDI và 30 doanh nghiệp nội địa tại Bắc Ninh.</li> <li>- Hồ sơ yếu hội thảo khoa học.</li> </ul>	1.500	Đề tài	18 tháng

		(BOI) với đầy đủ các tính năng cốt lõi. - Triển khai vận hành được nền tảng số ứng dụng tối thiểu 10 doanh nghiệp FDI và 30 doanh nghiệp nội địa tại Bắc Ninh. - Xây dựng và ban hành quy chế Quản lý, vận hành, khai thác nền tảng BOI. - Công bố khoa học, tổ chức hội thảo và chuyên gia công nghệ kết quả nghiên cứu.	- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài ( <i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i> ).			
21	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thực hành theo mô hình "nhà máy thông minh" (Smart factory) trong lĩnh vực gia công chính xác tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	- Xây dựng mô hình thực hành "nhà máy thông minh" (Smart factory) trong lĩnh vực gia công chính xác. - Xây dựng chương trình khung đào tạo về "nhà máy thông minh" (Smart factory) và xây dựng chương trình chi tiết tối thiểu 05 mô đun chuyên sâu, đảm bảo theo quy định của giáo dục nghề nghiệp. - Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên theo mô hình "nhà máy thông minh" (Smart factory) trong	- 01 mô hình thực hành "nhà máy thông minh" (Smart factory) trong lĩnh vực gia công chính xác. - 01 chương trình khung đào tạo về "nhà máy thông minh" (Smart factory). - Tối thiểu 05 chương trình chi tiết mô đun chuyên sâu, đảm bảo theo quy định của giáo dục nghề nghiệp. - 02 lớp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên theo mô hình "nhà máy thông minh" (Smart factory) trong lĩnh vực gia công chính xác để đánh giá chương trình đào tạo. - 01 báo cáo kết quả triển khai thí điểm tối thiểu 05 Modul chuyên sâu cho 02 lớp đào tạo sinh viên để đánh giá chương trình đào tạo về năng lực của người học đáp ứng vị trí việc làm. - 01 báo cáo kết quả hoạt động phối hợp với 05 doanh nghiệp trong việc khai thác mô hình phục vụ đào tạo cho người lao động. - Các chuyên đề nghiên cứu khoa học. - Hồ sơ hội thảo khoa học.	2.500	Đề tài khoa học và công nghệ	18 tháng

		<p>lĩnh vực gia công chính xác để đánh giá chương trình đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí điểm triển khai việc đào tạo cho sinh viên để đánh giá chương trình đào tạo về năng lực của người học đáp ứng vị trí việc làm.</li> <li>- Phối hợp tối thiểu với 05 doanh nghiệp trong việc khai thác mô hình phục vụ đào tạo cho người lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>			
22	Nghiên cứu giải pháp xanh hoá làng nghề hướng đến phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, xác định được hiện trạng sản xuất (công nghệ, sử dụng nguyên liệu đầu vào, năng lượng) và phát sinh chất thải tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng, nguyên liệu, sử dụng công nghệ tại các làng nghề.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng công nghệ, hiệu quả sử dụng năng lượng tại các làng nghề phục vụ công tác quản lý và bảo vệ môi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hiện trạng sản xuất (công nghệ, sử dụng nguyên liệu đầu vào, năng lượng) và phát sinh chất thải tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng, nguyên liệu, sử dụng công nghệ tại các làng nghề.</li> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng công nghệ, hiệu quả sử dụng năng lượng tại các làng nghề phục vụ công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Các mô hình tối ưu hóa, xanh hoá sản xuất tại ít nhất một làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Các giải pháp nhằm tối ưu hóa, xanh hoá môi trường hướng tới phát triển bền vững làng nghề tỉnh Bắc Ninh</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>	5.700	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

		<p>trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được mô hình tối ưu hóa, xanh hoá sản xuất tại ít nhất một làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đề xuất các giải pháp nhằm tối ưu hóa, xanh hoá môi trường hướng tới phát triển bền vững làng nghề tỉnh Bắc Ninh</li> </ul>				
23	<p>Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông minh dựa trên AI và IoT hỗ trợ quản lý, giám sát, cảnh báo sớm sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu đánh giá tình hình sâu bệnh hại cây vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được tối thiểu 04 trạm quan trắc IoT thu thập dữ liệu vi khí hậu, tốc độ gió, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động cho phép trực quan hóa dữ liệu quan trắc, vị trí cảnh báo theo thời gian thực tại vùng trồng vải xã Phúc Hòa, xã Lục Ngạn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được hệ thống phần mềm ứng dụng (Web-based và Mobile App) dựa trên trí tuệ nhân tạo để quản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu thông tin về kỹ thuật canh tác, tình hình sâu bệnh hại và tình hình sản xuất vải tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 bộ cơ sở dữ liệu vi khí hậu, tốc độ gió, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động về sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải tại tỉnh Bắc Ninh (4.000 ảnh/loại sâu, bệnh).</li> <li>- 01 bộ dữ liệu hệ thống tối thiểu 1.000 câu hỏi dùng cho chatbot về sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 04 trạm quan trắc IoT thu thập dữ liệu vi khí hậu và hình ảnh động hoàn chỉnh cho vườn vải (20 ha vùng sản xuất/trạm).</li> <li>- 01 hệ thống phần mềm ứng dụng đa ngôn ngữ (Việt/Anh) (Web-based và Mobile App) dựa trên trí tuệ nhân tạo để quản lý, trực quan hóa dữ liệu và gửi cảnh báo tình hình sâu đục cuống quả và bệnh sương mai tới người dùng (độ chính xác tối thiểu 90%, theo thời gian thực với độ trễ dưới 3s, có tính khả mở, tương thích đa nền tảng, các chức năng của hệ thống phải đảm bảo yêu cầu quản lý vận hành của cơ quan chuyên môn và giao diện dễ sử dụng).</li> <li>- 01 mô hình canh tác ứng dụng hệ thống thông minh</li> </ul>	5.500	<p>Đề tài khoa học và công nghệ</p>	24 tháng

		<p>lý, trực quan hóa dữ liệu và gửi cảnh báo tình hình sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tới người dùng.</p> <p>- Xây dựng được mô hình ứng dụng hệ thống thông minh diện tích 5ha/địa điểm trong phòng trừ sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p>	<p>diện tích 05 ha/địa điểm trong phòng trừ sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (hiệu quả &gt;85% so với mô hình canh tác truyền thống).</p> <p>- 01 bộ tài liệu phân tích yêu cầu và thiết kế hệ thống thiết bị quan trắc, phần mềm ứng dụng (Web-based và Mobile App) dựa trên trí tuệ nhân tạo để quản lý, trực quan hóa dữ liệu và gửi cảnh báo tình hình sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- 01 bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị quan trắc, phần mềm ứng dụng (Web-based và Mobile App) dựa trên trí tuệ nhân tạo để quản lý, trực quan hóa dữ liệu và gửi cảnh báo tình hình sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định.</p> <p>- 01 bộ phiếu kết quả giám định mẫu sâu đục cuống quả và bệnh sương mai hại cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- Hồ sơ hội thảo khoa học</p> <p>- Hồ sơ đào tạo, tập huấn.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</p>			
24	Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ quản lý quy trình canh tác cây vải tại tỉnh Bắc Ninh	<p>- Khảo sát, đánh giá được thực trạng canh tác, điều kiện đất đai, dinh dưỡng đất tại một số vùng trồng vải của tỉnh; phân tích đánh giá nhu cầu ứng dụng công nghệ AI và IoT trong canh tác cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</p>	<p>- 01 báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng canh tác, điều kiện khí hậu, đất đai, dinh dưỡng đất tại các vùng trồng vải thiều của tỉnh; đánh giá nhu cầu ứng dụng công nghệ AI và IoT trong canh tác cây vải tại tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- 01 bộ dữ liệu về điều kiện khí hậu, đất đai đối với một số vùng trồng vải của tỉnh (phạm vi dữ liệu tối thiểu 10 năm).</p> <p>- 01 Hệ thống trạm quan trắc IoT thu thập dữ liệu điều kiện khí hậu, đất đai, dinh dưỡng đất tại một số vùng trồng vải của tỉnh (diện tích tối thiểu là 20 ha).</p>	4.000	Đề tài khoa học công nghệ	24 tháng

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công hệ thống trạm quan trắc IoT thu thập dữ liệu điều kiện đất đai, dinh dưỡng đất tại một số vùng trồng cây vải của tỉnh (diện tích tối thiểu là 20 ha).</li> <li>- Xây dựng được hệ thống phần mềm trên Web - base và Mobile app hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải của tỉnh.</li> <li>- Thử nghiệm và triển khai mô hình ứng dụng hệ thống hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải của tỉnh trên diện tích tối thiểu 20 ha.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 phần mềm đa ngôn ngữ ứng dụng trên Web-base và Mobile app hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải của tỉnh có các chức năng và phân hệ: thu nhận, phân tích các dữ liệu cảm biến IoT theo chu kỳ thời gian 6h; trực quan hóa dữ liệu cảm biến; đa nền tảng; có xây dựng dữ liệu nhật ký canh tác điện tử, các mô hình AI hỗ trợ canh tác độ chính xác tối thiểu 85%; tích hợp ứng dụng AI chatbot hỗ trợ tư vấn, khuyến cáo bón phân và tưới nước với sai số dưới 15% so với khuyến cáo của chuyên gia trong canh tác cây vải tại tỉnh Bắc Ninh; các chức năng hệ thống phải đảm bảo yêu cầu quản lý vận hành của cơ quan chuyên môn, giao diện dễ sử dụng.</li> <li>- 01 bộ tài liệu phân tích yêu cầu và thiết kế hệ thống (cả phần cứng IoT và phần mềm) hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải thiều của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 Bộ tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng hệ thống.</li> <li>- 01 mô hình ứng dụng triển khai hệ thống hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải trên diện tích tối thiểu 20 ha.</li> <li>- Báo cáo kết quả thử nghiệm hệ thống hỗ trợ canh tác thông minh sử dụng phần mềm giám sát và điều tiết dinh dưỡng đất đối với cây vải của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Bộ phiếu phân tích và hình ảnh phẫu diện đất tại một số vùng trồng vải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Hồ sơ đào tạo, tập huấn kỹ thuật</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>			
25	Ứng dụng khoa	- Làm chủ công nghệ	- Báo cáo tổng quan tình hình sản xuất, nhu cầu thị	2.500	Dự án	24 tháng



	học và công nghệ sản xuất giống gừng mới phục vụ chuỗi giá trị tại tỉnh Bắc Ninh	<p>sản xuất giống, thâm canh thương phẩm và chế biến giống gừng mới phục vụ chuỗi giá trị tại tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>- Xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, thâm canh thương phẩm giống gừng mới phục vụ chuỗi giá trị tại tỉnh Bắc Ninh.</p>	<p>trường đối với cây gừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình công nghệ sản xuất giống gừng mới bằng phương pháp nuôi cấy mô.</li> <li>- 01 quy trình kỹ thuật thâm canh giống gừng mới thương phẩm.</li> <li>- 01 quy trình chế biến bột gừng quy mô phòng thí nghiệm.</li> <li>- 01 quy trình chế biến gừng muối quy mô phòng thí nghiệm.</li> <li>- 20 kg bột gừng và 100 kg gừng muối đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.</li> <li>- 01 mô hình sản xuất gừng giống mới bằng phương pháp nuôi cấy mô quy mô 30.000 cây giống, tỷ lệ sống tối thiểu 70%, đạt tiêu chuẩn cây giống.</li> <li>- 01 mô hình sản xuất giống gừng mới thương phẩm quy mô 7ha năng suất đạt từ 40 tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng từ 10% so với sản xuất đại trà tại địa phương.</li> <li>- Bộ tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm bột gừng và gừng muối.</li> <li>- Bộ phiếu phân tích chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm bột gừng và gừng muối.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Hồ sơ đào tạo, tập huấn.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</li> </ul>		khoa học và công nghệ	
26	Nghiên cứu phát triển hệ thống sử dụng thiết bị bay không người lái và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Bắc	<p>Phát triển, thử nghiệm được hệ thống sử dụng thiết bị bay không người lái và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Hệ thống phương tiện bay không người lái kết hợp trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bao gồm:</li> <li>+ 01 thiết bị bay không người lái: tích hợp camera quang và camera nhiệt, nâng tải trọng có ích tối thiểu 3kg, tốc độ bay tối đa không tải đạt 50km/h trong điều kiện thường, tầm hoạt động tối thiểu 5km, trần bay 500m, thời gian hoạt động không tải tối thiểu 45 phút, phương thức định vị GPS/INS có chức năng truyền dữ liệu về mặt đất,</li> </ul>	2.200	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

	Ninh		<p>tích hợp trên bản đồ số, phạm vi hoạt động truyền dữ liệu từ 5km; độ phân giải hình ảnh camera quang full HD, camera nhiệt 640x480.</p> <p>+ Trạm mặt đất: tích hợp máy tính có cấu hình tối thiểu Core i7, RAM 32GB, SSD 1TB, GPU 8GB, màn hình 14 inch, hệ điều hành Windows /UBUNTU; nguồn cấp ắc quy/pin 24V một chiều; kết nối vô tuyến để thu nhận dữ liệu và điều khiển trực tiếp từ thiết bị bay không người lái.</p> <p>+ Phần mềm hệ thống được cài đặt và chạy trên trạm mặt đất có các chức năng sau: giám sát và điều khiển UAV trên bản đồ số; thiết lập lộ trình bay tự động; thu thập lưu trữ và hiển thị dữ liệu từ các camera trên thiết bị bay không người lái; ứng dụng AI phân tích quy mô và đặc điểm đám cháy (màu khói, nhiệt...), phát hiện người trong khu vực quan sát với độ chính xác tối thiểu 85%.</p> <p>+ 01 bộ dữ liệu phân tích quy mô và đặc điểm đám cháy, tối thiểu 10.000 mẫu dữ liệu.</p> <p>+ 01 bộ dữ liệu phát hiện người trong khu vực quan sát, tối thiểu 10.000 mẫu dữ liệu.</p> <p>- 01 Bộ tài liệu thiết kế hệ thống.</p> <p>- 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống.</p> <p>- Bộ kịch bản thử nghiệm hệ thống.</p> <p>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí hoặc bài báo công bố tại hội thảo khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quyết định.</p> <p>- Tổ chức 01 hội thảo khoa học.</p> <p>- Đào tạo tập huấn, chuyển giao công nghệ.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>)</p>			
27	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát	- Làm rõ các cơ sở lý luận về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.	<p>- 01 báo cáo cơ sở lý luận về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.</p> <p>- 01 báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng ngành công</p>	1.000	Đề tài nghiên cứu	12 tháng

	triển ngành công nghiệp bán dẫn và đề xuất giải pháp xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành một cứ điểm quan trọng của ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá thực trạng ngành công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp cụ thể xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành một cứ điểm quan trọng trong hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn Việt Nam.</li> </ul>	nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống giải pháp cụ thể xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành một cứ điểm quan trọng trong hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn Việt Nam.</li> <li>- Dự thảo văn bản chỉ đạo của tỉnh về phát triển công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Dự thảo Kế hoạch đào tạo nhân lực bán dẫn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>- Mẫu phiếu điều tra và bộ phiếu điều tra đầy đủ thông tin.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>		KHXHNV	
28	Phát triển giống ngô nếp lai mới tại tỉnh Bắc Ninh theo tiêu chuẩn an toàn VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất, chất lượng của giống ngô nếp lai mới trong điều kiện tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng quy trình sản xuất ngô nếp lai mới theo tiêu chuẩn VietGAP.</li> <li>- Xây dựng 3-5 mô hình sản xuất ngô nếp lai mới theo tiêu chuẩn VietGAP.</li> <li>- 01 mô hình 05 ha sản xuất ngô nếp lai mới đạt chứng nhận VietGAP.</li> <li>- Sản phẩm ngô nếp lai mới đạt chứng nhận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá khả năng sinh trưởng năng suất chất lượng của giống ngô nếp lai mới trong điều kiện tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 quy trình sản xuất ngô nếp lai mới theo tiêu chuẩn VietGAP.</li> <li>- 3-5 mô hình sản xuất ngô nếp lai mới theo tiêu chuẩn VietGAP, quy mô 5-7 ha/mô hình tại vùng trồng ngô chính trên địa bàn tỉnh; năng suất bắp tươi đạt 110-130 tạ/ha; hiệu quả kinh tế tăng 10-15% so với mô hình canh tác truyền thống tại địa phương.</li> <li>- 01 mô hình 05 ha sản xuất ngô nếp lai mới đạt chứng nhận VietGAP.</li> <li>- Giấy chứng nhận ngô nếp lai mới đạt chứng nhận OCOP 3 sao.</li> <li>- 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Đào tạo tập huấn về quy trình VietGAP.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (<i>Báo cáo chính và Báo</i></li> </ul>	1.800	Dự án khoa học và công nghệ	24 tháng

		OCOP 3 sao. - 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.	<i>cáo tóm tắt</i> ).			
29	Xây dựng Mô đun đào tạo nâng cao năng suất chất lượng cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát, đánh giá thực trạng của nhà trường và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh về nâng cao năng suất chất lượng.</li> <li>- Xây dựng, phát triển được Mô đun đào tạo nâng cao năng suất chất lượng.</li> <li>- Xây dựng bộ tài liệu giảng dạy cho giảng viên, học tập cho sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Triển khai đào tạo tối thiểu 600 sinh viên, 60 giảng viên về nâng cao năng suất chất lượng.</li> <li>- Xây dựng phim khoa giáo về đào tạo nâng cao năng suất chất lượng cho giảng viên, sinh viên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng của nhà trường và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh về nâng cao năng suất chất lượng.</li> <li>- 01 Mô đun đào tạo nâng cao năng suất chất lượng có chuẩn đầu ra (2 tín chỉ: 1 lý thuyết, 1 thực hành).</li> <li>- 01 bộ tài liệu giảng dạy cho giảng viên, học tập cho sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tối thiểu 150 trang tiêu chuẩn.</li> <li>- Đào tạo tối thiểu 600 sinh viên, 60 giảng viên về nâng cao năng suất chất lượng (có cấp chứng nhận, tối thiểu 06 giảng viên thành chuyên gia năng suất chất lượng).</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- 01 bộ phim (gồm các video) khoa giáo về đào tạo nâng cao năng suất chất lượng cho giảng viên, sinh viên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	2.300	Đề tài khoa học và công nghệ	18 tháng
30	Nghiên cứu chế tạo màng phủ bảo quản an toàn, ứng dụng trong sản xuất bánh truyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát, đánh giá thực trạng về quy trình sản xuất, phương pháp bảo quản và nguyên nhân gây hư hỏng trên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Báo cáo đánh giá thực trạng về quy trình sản xuất, phương pháp bảo quản và nguyên nhân gây hư hỏng trên một số loại bánh truyền thống của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 quy trình chiết tách được hợp chất thiên nhiên có khả năng kháng vi sinh vật và chống oxy hóa từ thảo mộc.</li> </ul>	1.500	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

	<p>thống của tỉnh Bắc Ninh</p>	<p>một số loại bánh truyền thống của tỉnh Bắc Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn, chiết tách được hợp chất thiên nhiên có khả năng kháng vi sinh vật và chống oxi hóa từ thảo mộc đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.</li> <li>- Xây dựng được tối thiểu 1-2 công thức màng bảo quản từ nguyên liệu sinh học (chitosan, tinh bột, PLA, tinh dầu thiên nhiên...) đáp ứng các tiêu chí về độ bền cơ học và khả năng chống thấm.</li> <li>- Nghiên cứu chế tạo màng phủ bảo quản an toàn, ứng dụng trong sản xuất bánh truyền thống của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình sản xuất màng ở quy mô pilot (10-20 kg nguyên liệu/mẻ).</li> <li>- Ứng dụng màng phủ bảo quản cho bánh truyền thống đảm bảo chất lượng ATTP theo quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 kg chế phẩm hợp chất thiên nhiên có khả năng kháng vi sinh vật và chống oxi hóa từ thảo mộc.</li> <li>- Xây dựng được tối thiểu 1-2 công thức màng bảo quản từ nguyên liệu sinh học (chitosan, tinh bột, PLA, tinh dầu thiên nhiên...).</li> <li>- 01 Quy trình công nghệ chế tạo màng phủ bảo quản an toàn, ứng dụng trong sản xuất bánh truyền thống của tỉnh Bắc Ninh quy mô 10-20 kg nguyên liệu/mẻ.</li> <li>- 01 quy trình ứng dụng màng phủ bảo quản cho bánh truyền thống đảm bảo chất lượng ATTP theo quy định với quy mô từ 10 kg sản phẩm/ngày, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm theo quy định và thời gian bảo quản tối thiểu 07 ngày ở nhiệt độ thường (25-30 độ C).</li> <li>- 01 bộ tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) cho sản phẩm màng bảo quản</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
--	--------------------------------	--	---	--	--	--

		- Xây dựng 01 bộ tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) cho sản phẩm màng bảo quản.				
31	Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao kháng bệnh bạc lá theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng sản xuất lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được 5 mô hình sản xuất lúa chất lượng kháng bệnh bạc lá theo hướng hữu cơ, quy mô tối thiểu 60 ha/mô hình; năng suất (vụ xuân 65-70 tạ/ha; vụ mùa 55-60 tạ/ha); hiệu quả kinh tế tăng 10-15% so với mô hình canh tác đại trà tại địa phương. Đánh giá chất lượng sản phẩm.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao kháng bệnh bạc lá theo hướng hữu cơ phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh.</li> <li>- Xây dựng được 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 5 mô hình sản xuất lúa chất lượng kháng bệnh bạc lá theo hướng hữu cơ, quy mô tối thiểu 60 ha/mô hình; năng suất (vụ xuân 65-70 tạ/ha; vụ mùa 55-60 tạ/ha); hiệu quả kinh tế tăng 10-15% so với mô hình canh tác đại trà tại địa phương.</li> <li>- 01 quy trình kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao kháng bệnh bạc lá theo hướng hữu cơ phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh.</li> <li>- 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Hồ sơ tập huấn kỹ thuật.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành có tính điểm.</li> <li>- Các sản phẩm khác: mẫu phiếu; phiếu điều tra đầy đủ thông tin; báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra; phiếu phân tích chất lượng gạo.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>	3.000	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng
32	Xây dựng và thí điểm mô hình sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá, làm rõ được hiện trạng sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các khu công nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Báo cáo đánh giá hiện trạng sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các khu công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các khu công</li> </ul>	2.800	Đề tài khoa học và công nghệ	24 tháng

	tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	<p>của tỉnh Bắc Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Xây dựng được bộ tiêu chí về khu công nghiệp sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Xây dựng và thí điểm mô hình vận hành sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại 01 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đề xuất giải pháp và kiến nghị thúc đẩy áp dụng mô hình sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</li> </ul>	<p>ng nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bộ tiêu chí về khu công nghiệp sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>- Xây dựng 01 mô hình vận hành sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn tại 01 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó có các mục tiêu giảm tiêu thụ năng lượng hóa thạch, tăng sử dụng năng lượng sạch, giảm chi phí vận hành, thực hiện tái sử dụng và tái chế dòng vật chất và phụ phẩm công nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại khu công nghiệp thí điểm sau 24 tháng phù hợp điều kiện địa phương).</li> <li>- Bộ chỉ tiêu/KPI đánh giá hiệu quả mô hình (kinh tế, xã hội, môi trường).</li> <li>- Bộ giải pháp tổng thể: công nghệ, tài chính, cơ chế chính sách, nhân lực để áp dụng mô hình vào thực tiễn.</li> <li>- 01 Bộ tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.</li> <li>- Các mẫu phiếu điều tra và các phiếu điều tra, phỏng vấn đầy đủ thông tin.</li> <li>- Các chuyên đề nghiên cứu khoa học</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học</li> <li>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
33	Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể trong hoạt động chính quyền địa phương hai cấp nhằm cải thiện chỉ số đổi mới sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể nhằm cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp và đề xuất các giải pháp ứng dụng tại tỉnh Bắc Ninh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng quan về cơ sở khoa học của Bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương và chỉ số ĐMST cấp địa phương.</li> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng quản trị chất lượng tổng thể theo tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 của chính quyền địa phương hai cấp tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh theo 7 trụ cột, phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</li> </ul>	2.100	Đề tài khoa học và công nghệ	18 tháng

	tạo tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích mối liên hệ giữa Bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương và chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII).</li> <li>- Đánh giá thực trạng quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương theo tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Đánh giá thực trạng đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh theo 7 trụ cột, phục vụ định hướng phát triển kinh tế</li> <li>- xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</li> <li>- Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương tích hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 nhằm cải thiện chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII).</li> <li>- Triển khai thí điểm ứng dụng Bộ chỉ số và đề xuất các giải pháp nhân rộng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ chỉ số đánh giá quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương tích hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020</li> <li>- Báo cáo kết quả thí điểm áp dụng Bộ chỉ số quản trị chất lượng tổng thể tích hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 nhằm cải thiện chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) tại tối thiểu 04 UBND cấp xã (02 xã, 02 phường) và 02 Sở tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng Bộ chỉ số quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương hai cấp tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 bản khuyến nghị chính sách về việc ứng dụng Bộ chỉ số quản trị chất lượng tổng thể chính quyền địa phương hai cấp tại tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành và 01 bài báo đăng trên trang thông tin, truyền thông địa phương.</li> <li>- Hồ sơ hội thảo khoa học.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài (<i>Báo cáo chính và Báo cáo tóm tắt</i>).</li> </ul>			
--	-------------------	---	--	--	--	--